

Số 1053/CTr-UBND

Biên Hòa, ngày 04 tháng 02 năm 2008

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA UBND TỈNH ĐỒNG NAI

**Về phát triển kinh tế Đồng Nai nhanh và bền vững
khi Việt Nam là thành viên của tổ chức Thương mại thế giới**

Ngày 07/11/2006, Việt Nam đã chính thức được kết nạp vào tổ chức thương mại thế giới (WTO), là tổ chức thương mại lớn nhất toàn cầu. Sau khi gia nhập WTO, việc thực hiện các cam kết đa phương, song phương sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại nước ta được tiếp cận thị trường hàng hóa dịch vụ ở tất cả các nước thành viên và không bị phân biệt đối xử. Tuy nhiên quá trình thực hiện các cam kết cũng sẽ gặp không ít khó khăn, thách thức do phải mở cửa thị trường, cắt giảm trợ cấp, cắt giảm thuế..., các nội dung này tác động khá lớn đến khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam. Để có thể tranh thủ cơ hội, thuận lợi do các cam kết mang lại và vượt qua các thách thức để tạo được cơ hội mới nhằm đưa kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, bền vững, UBND tỉnh Đồng Nai lập chương trình hành động cụ thể như sau:

I. Các lợi thế, hạn chế:

1. Lợi thế:

- Đồng Nai là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy và đường sắt rất thuận lợi trong việc phát triển kinh tế; giáp với những địa phương mạnh, năng động như tỉnh Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Thuận, Lâm Đồng và Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng Nai có khả năng liên kết vùng cao, tạo nguồn lực bổ sung cho phát triển kinh tế-xã hội.

- Đồng Nai có nguồn tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản khá dồi dào. Quỹ đất không chỉ thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, mà còn thuận lợi cho việc xây dựng các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, thúc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh và vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra.

2. Hạn chế:

- Dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng cũng như yêu cầu đòi hỏi của sự phát triển kinh tế-xã hội. Dịch vụ phục vụ các khu công nghiệp tập trung phát triển còn chậm, nhất là dịch vụ nhà ở, vui chơi giải trí...

- Vốn sản xuất kinh doanh, trình độ công nghệ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước nhìn chung thấp; số lượng doanh nghiệp dân doanh phát triển nhanh nhưng phổ biến ở quy mô nhỏ, sức cạnh tranh còn hạn chế.

- Tình hình tiêu thụ nông sản hàng hóa giá cả không ổn định nên hạn chế khả năng đầu tư chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo định hướng chung của nhà nước. Chi phí sản xuất nông nghiệp còn cao, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất cũng như thu nhập của nông dân.

- Vấn đề bảo vệ và cải thiện môi trường chưa được thực hiện tốt, nhất là vấn đề quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên đảm bảo phát triển bền vững. Tình trạng ô nhiễm môi trường từ các khu công nghiệp và các khu dân cư chưa được khắc phục triệt để.

- Nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là ngành công nghiệp chất xám cao, thiếu lao động trình độ cao, lao động chế tác, chưa có nhiều lao động trong lĩnh vực thiết kế mẫu mã, kiểu dáng.

- Đời sống của một bộ phận dân cư ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc còn khó khăn do thu nhập thấp, nghề nghiệp không ổn định, thiếu việc làm....Chênh lệch đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân thành thị và nông thôn mặc dù có giảm dần song vẫn còn khoảng cách đáng kể.

II. Cơ hội và thách thức:

1. Cơ hội:

1.1. Tham gia ngày càng sâu hơn và rộng hơn vào phân công lao động và hợp tác kinh tế quốc tế trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh.

1.2. Mở rộng, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại.

1.3. Mở rộng thị trường.

- Việc gia nhập WTO tạo điều kiện cho Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng tham gia vào thị trường quốc tế rộng lớn với nhiều ưu đãi về thuế quan và tiếp cận thị trường đã được xác lập ổn định giữa các thành viên. Tham gia WTO, Việt Nam có thể nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật từ Ban thư ký của WTO và từ các thành viên phát triển để chuyển đổi nền kinh tế.

- Thuế nhập khẩu của hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam vào các thị trường của gần 150 nước thành viên WTO giảm (ở mức trung bình 6%), thấp hơn nhiều so với thuế mà hàng Việt Nam đa phần phải chịu (trung bình 40%). Việt Nam có thể được một số nước cho hưởng mức thuế quan thấp hơn nữa. Thực tế là, trong những năm vừa qua các doanh nghiệp ở Đồng Nai, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đã xuất khẩu nhiều mặt hàng có mức thuế quan chưa được ưu đãi nên khối lượng chưa nhiều. Do đó, khi Việt Nam gia nhập WTO các ngành công nghiệp xuất khẩu này sẽ có thể tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị phần nhờ tác động mạnh mẽ từ cả hai phía: giá đầu vào giảm và chi phí tiêu thụ đầu ra cũng giảm.

- Thị trường tiềm năng của các sản phẩm xuất khẩu từ Đồng Nai rộng mở; ít nhất hàng hóa của Đồng Nai cũng được đối xử như hàng hoá của các thành viên khác. Hiện nay, Đồng Nai mới xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường châu Á (chiếm khoảng 45 - 65% kim ngạch xuất khẩu của tỉnh). Sau khi Việt Nam gia nhập WTO, về nguyên tắc, sản phẩm của Đồng Nai có thể xuất khẩu vào thị trường ở tất cả các nước thành viên WTO. Do đó, nếu thực sự có lợi thế cạnh tranh, các doanh nghiệp Đồng Nai có điều kiện rất lớn để mở rộng thị trường không chỉ ở các nước đã quen thuộc, mà ở tất cả các nước thành viên có nhu cầu, không cần chờ đợi nhà nước ký các hiệp định thương mại song phương như trước kia.

1.4. Tạo áp lực thúc đẩy cải cách kinh tế tại địa phương.

1.5. Tạo điều kiện thuận lợi cho Đồng Nai thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài. Việc gia nhập WTO tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhiều thuận lợi về thị trường xuất nhập khẩu, quyền tự do xuất nhập khẩu mở rộng, chính sách thương mại minh bạch, ổn định, cơ chế bảo vệ đầu tư có hiệu lực hơn, các điều kiện đầu tư thông thoáng hơn, thông tin được cung cấp đầy đủ hơn.

1.6. Người tiêu dùng có cơ hội tiếp cận tự do hơn với nhiều chủng loại hàng hoá có chất lượng quốc tế, với giá rẻ hơn, do các nhà nhập khẩu được hưởng thuế quan nhập khẩu ngày càng thấp hơn, quyền tự do nhập khẩu được mở rộng hơn và các tiêu chuẩn hàng hoá được coi trọng hơn.

1.7. Có điều kiện tiếp cận với tri thức, công nghệ và văn hoá tiên tiến của nhân loại nhiều hơn do sự xuất hiện của các doanh nghiệp tiên tiến với công nghệ cao, do xuất hiện sản phẩm có công nghệ và hàm lượng chất xám cao, do sự xuất hiện của sách báo, ấn phẩm cũng như sự hiện diện của những con người có tri thức, có kinh nghiệm, có năng lực tự chủ sáng tạo.

1.8. Tác động tích cực nhất của việc Việt Nam gia nhập WTO là Đồng Nai có thể tăng sản lượng các ngành có khả năng cạnh tranh cao, giảm sản lượng các ngành có khả năng cạnh tranh thấp, từ đó tái cấu trúc lại các ngành kinh tế.

2. Thách thức.

2.1. Các doanh nghiệp của Đồng Nai phải cạnh tranh ở trình độ quốc tế ngay trên "sân nhà".

2.2. Khi Việt Nam thực hiện mở cửa thị trường dịch vụ, cho phép các hãng nước ngoài kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông, giải trí, thông tin... thì cơ hội để bọn phản động trà trộn gây hại sẽ lớn hơn. Trong khi đó, Nhà nước phải giảm các biện pháp kiểm soát hành chính trực tiếp.

Tóm lại, nếu Đồng Nai không nhanh chóng nâng cao năng lực cạnh tranh của mình và thiết kế hệ chính sách khuyến khích doanh nghiệp địa

phương năng động, tự chủ vươn lên thì số người hưởng thành quả sẽ không nhiều, gánh nặng xã hội, chính trị của nhà nước sẽ tăng lên.

III. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, tranh thủ các thời cơ do các cam kết mang lại, lãnh đạo, chỉ đạo các Ngành ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế xã hội Nghị quyết Tỉnh Đảng bộ lần thứ VIII đã đề ra. Thực hiện đúng các nguyên tắc quy định của WTO trong hoạt động đầu tư, thương mại trên địa bàn. Mở rộng thị trường xuất khẩu, thúc đẩy dịch vụ phát triển, tiến tới mở rộng kinh doanh dịch vụ ra nước ngoài, đảm bảo tăng trưởng ổn định cho doanh nghiệp, doanh nhân. Giảm cách biệt giàu nghèo, nông thôn - thành thị; hạn chế tác động xấu về văn hóa-xã hội. Hạn chế sự gia tăng ô nhiễm, khắc phục suy thoái môi trường. Phấn đấu đến năm 2010 trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, năm 2015 trở thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vào năm 2020 thành tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2010, tầm nhìn năm 2020:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân 14-14,5%/năm, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng bình quân khoảng 16-16,5%/năm; các ngành dịch vụ tăng bình quân khoảng 15-15,5%/năm; ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân khoảng 4-4,5%/năm. Cùng với việc đẩy mạnh tiến độ phát triển kinh tế xã hội, cần đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở đến năm 2010 đạt 100% các huyện, thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và cấp xã, phường có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; đến năm 2015 đạt 100% các ấp, khu phố có Nhà Văn hóa.

- GDP bình quân đầu người đến năm 2010 đạt 1.400 - 1.450 USD, phấn đấu đạt 6.480 USD vào năm 2020.

- Cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp đến năm 2010: 57% - 34% - 9%; đến năm 2020: 51% - 46% - 3%.

- Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tăng từ 20-22%/năm.

- Thu gom theo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường các loại rác thải đô thị, rác thải công nghiệp đạt 70-80% đến 2010 và đạt 100% đến năm 2015; rác thải y tế 100% và chất rắn độc hại trên 60% vào năm 2010.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mực mới xuống dưới 4% vào năm 2010, dưới 0,5% vào năm 2015 và giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí giai đoạn 2006-2010 của tỉnh từ 9,8% năm 2005 xuống dưới 4% vào năm 2010 và xóa nghèo trong giai đoạn 2011-2015.

- Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực đô thị xuống dưới 2,8% vào năm 2010 và dưới 2% trong giai đoạn 2015-2020.

IV. Nhiệm vụ:

Để thực hiện đạt các mục tiêu trên cần tập trung triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Công tác cải cách hành chính và thực thi pháp luật:

- Tiếp tục rà soát toàn bộ các văn bản pháp luật do địa phương ban hành đảm bảo phù hợp với các cam kết WTO, đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng cho mọi chủ thể tham gia thị trường. Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính để loại bỏ các loại giấy tờ, thủ tục, giấy phép không cần thiết; công bố công khai thủ tục, quy trình giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước, các đơn vị cung cấp dịch vụ công để các doanh nghiệp và người dân biết, thực hiện và giám sát thực hiện. Rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục; triển khai rộng và không ngừng hoàn thiện cơ chế “một cửa, tại chỗ”;

- Xây dựng cơ chế quản lý nhịp nhàng, đồng bộ, không chồng chéo, trách nhiệm cụ thể. Phân cấp mạnh, rạch ròi giữa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; ban hành cơ chế kiểm tra việc thực hiện phân cấp, gắn phân cấp với công tác kiểm tra, giám sát;

- Tăng cường năng lực, nâng cao trình độ, phẩm chất của đội ngũ cán bộ công chức đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; đẩy mạnh việc hiện đại hóa hoạt động cơ quan quản lý nhà nước;

- Phát triển Portal Đồng Nai thành cổng thông tin cung cấp và đối thoại với công dân, với doanh nghiệp.

- Thực hiện đúng các cam kết và các nghĩa vụ khác của Việt Nam khi gia nhập WTO trên cơ sở thực hiện các cam kết trực tiếp và luật pháp Việt Nam.

2. Đổi mới và nâng cao hiệu quả đầu tư; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại:

- Thu hút đầu tư vào những lĩnh vực công nghệ cao, sạch, công nghệ nguồn, dịch vụ có giá trị gia tăng cao, công nghiệp sản xuất tư liệu lao động; vào các ngành có lợi thế kinh tế dài hạn, quy mô phát triển liên vùng, dung lượng thị trường lớn, có lợi thế phù hợp điều kiện địa phương và lộ trình giảm thuế của WTO. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư vào các thị trường tiềm năng, tập đoàn mạnh, vào các dự án trọng điểm; khuyến khích, phát triển hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

- Bố trí các dự án sử dụng nhiều lao động và không đòi hỏi trình độ lao động cao vào vùng nông thôn, miền núi;

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, chương trình hợp tác đã ký kết với các địa phương nước ngoài; tích cực khai thông và phát triển các mối quan hệ đã có; chủ động tìm kiếm đối tác xây dựng các quan hệ hợp tác mới.

- Tăng cường giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là ở khu vực nông thôn; tăng quy mô và chất lượng đào tạo nghề, quy hoạch sắp xếp các trung tâm, các trường đào tạo nghề; xã hội hóa công tác đào tạo và dạy nghề;

- Đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, nhất là ở những vùng còn khó khăn, cho vay ưu đãi đối với các hộ nghèo, giúp các hộ nghèo có kiến thức, phương tiện sản xuất để tự vươn lên thoát nghèo bền vững;

- Thực hiện công bằng, bình đẳng về chăm sóc sức khỏe cho mọi người, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân.

- Tăng cường mạng lưới an sinh xã hội thông qua phát triển và củng cố các quỹ của xã hội và đoàn thể. Trợ giúp nhân đạo thường xuyên đối với người nghèo, người không có sức lao động và không nơi nương tựa.

- Có giải pháp cụ thể hỗ trợ người tàn tật, người cao tuổi (đặc biệt là người già không nơi nương tựa), người bị nhiễm chất độc hóa học, nhiễm HIV/AIDS, nạn nhân của tệ nạn xã hội.

- Khuyến khích các hoạt động nhân đạo của các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội tham gia phát triển mạng lưới an sinh xã hội, trợ giúp có hiệu quả các đối tượng yếu thế. Tiếp tục thực hiện chế độ bảo hiểm y tế đối với người nghèo.

4. Phát triển các dịch vụ phục vụ người lao động trong các khu công nghiệp:

Tiếp tục triển khai các Chương trình phát triển dịch vụ phục vụ người lao động trong các khu công nghiệp, tập trung vào các nhu cầu ăn, ở, đi lại, vui chơi, giải trí, tiến tới từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động nhằm duy trì và ổn định nguồn lao động phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa tình nhà.

5. Phát triển nông nghiệp - nông thôn - nông dân:

- Nhà nước ưu tiên đầu tư và có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tập trung tham gia đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn: đường giao thông, điện, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt;

- Tiếp tục phát huy tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hàng hóa. Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phát triển khai thác có hiệu quả các cây trồng, vật nuôi chủ lực; phát triển chăn nuôi để tăng tỷ trọng trong giá trị sản xuất nông nghiệp;

- Phát triển doanh nghiệp ở địa bàn nông thôn, tập trung các ngành nghề chế biến nông sản, dịch vụ phục vụ nông nghiệp nông thôn, các dự án sử dụng nhiều lao động ở nông thôn;

- Tiếp tục chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân, đặc biệt là ứng dụng thành tựu chuyên giao công nghệ sinh học. Đẩy mạnh công tác khuyến nông.

- Không ngừng nâng cao trình độ văn hóa và tinh thần cho nông dân. Từng bước đưa công nghệ thông tin về các xã, vùng nông thôn, giúp nông dân có điều kiện tiếp cận với kiến thức mới trong và ngoài nước, trên cơ sở đó nghiên cứu, vận dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

- Tăng cường liên kết và đa dạng hóa các loại hình đào tạo về chuyên môn ngoại ngữ và các ngành nghề đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh và phục vụ cho xuất khẩu lao động. Khuyến khích đào tạo theo địa chỉ và mở rộng cơ sở đào tạo những ngành nghề mũi nhọn đáp ứng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Triển khai đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2006-2010, phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo, dạy nghề, đảm bảo đủ nguồn lao động vững về chính trị, giỏi về chuyên môn, tay nghề đồng thời có trình độ ngoại ngữ nhất định để cung cấp cho các ngành, các doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực cho quá trình hội nhập.

- Xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế thu hút sử dụng và đãi ngộ thỏa đáng những chuyên gia giỏi, những người có tài năng ở trong và ngoài nước, kể cả người nước ngoài.

7. Bảo vệ môi trường:

Quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản.... Đảm bảo hài hòa giữa tăng dân số, đô thị hóa, phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Khắc phục triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường từ các khu công nghiệp và các khu dân cư. Hạn chế sự gia tăng ô nhiễm, khắc phục suy thoái môi trường.

V. Tổ chức thực hiện:

Đề tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt kết quả chương trình hành động của UBND tỉnh về phát triển kinh tế Đồng Nai nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới, UBND tỉnh yêu cầu:

1. Căn cứ chương trình hành động của UBND tỉnh và chương trình hành động của các bộ, ngành, Thủ trưởng các sở, ngành, UBND thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các huyện chỉ đạo xây dựng kế hoạch hành động của sở, ban, ngành, địa phương mình và báo cáo UBND tỉnh sau 1 tháng kể từ khi Chương trình hành động của tỉnh được ban hành.

2. Các sở, ban, ngành, UBND thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các huyện định kỳ vào tháng 01 hàng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chương trình đồng thời gửi Thường trực Ban Hợp tác Kinh tế Quốc tế (Sở Thương mại - Du lịch) để tổng hợp và kịp thời đề xuất bổ sung các giải pháp mới phù hợp với lộ trình thực hiện các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam.

3. Giao Sở Thương mại-Du lịch Đồng Nai (Thường trực Ban Hợp tác Kinh tế quốc tế) theo dõi, đôn đốc tình hình xây dựng kế hoạch hành động của các sở, ngành, địa phương; kiểm tra tiến độ thực hiện và định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Các Sở, Ban, Ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- Chánh - Phó văn phòng;
- Báo, Đài;
- Lưu: VT, các Phòng. LTT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đình Quốc Thái



DANH MỤC CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TỪ NĂM 2008 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

(Ban hành kèm theo CTHĐ số/059CTr-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2008 của UBND Tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
I	Cải cách hành chính				
1	Sắp xếp lại cơ quan hành chính nhà nước địa phương	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, DP	Đề án được duyệt	2007-2008
2	Xây dựng quy định hỗ trợ kinh phí cho hoạt động rà soát, kiểm tra văn bản pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ngành DP	Quyết định ban hành	2008
3	Xây dựng Quy định về kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản QPPL	Sở Tư pháp	Các sở, ngành DP	Quyết định ban hành	2007-2008
4	Nâng cấp Portal Đồng Nai	Sở Khoa học - Công nghệ	Các sở, ngành DP	Đề án được duyệt	2008
5	Xây dựng Quy định về hỗ trợ kinh phí cho hoạt động soạn thảo, ban hành văn bản QPPL	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, DP	Quyết định ban hành	2007-2008
6	Triển khai ứng dụng đồng bộ hệ thống các chương trình quản lý nội bộ và chương trình hỗ trợ điều hành tác nghiệp trong các cơ quan Đảng, Chính quyền	Sở BC-VT	Các sở, ngành, DP	Chương trình được duyệt	2010
7	Chương trình phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu (GIS), quản lý đất, tài nguyên, môi trường, du lịch cho tỉnh	Sở BC-VT	Các sở, ngành, DP	Chương trình được duyệt	2010
8	Nâng cấp và xây dựng hệ thống mạng LAN, kết nối Internet cho các cơ quan, đơn vị.	Sở BC-VT	Các sở, ngành, DP	Đề án được duyệt	2010

9	Đề án ứng dụng CNTT cho mô hình một cửa liên thông tại Đồng Nai	Số BC-VT	Các sở, ngành, DP	Đề án được duyệt	2010
II	Đổi mới nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại				
1	Đánh giá thực trạng hoạt động đầu tư, xây dựng định hướng thu hút đầu tư theo lộ trình và hệ thống giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút vốn ĐTNN	Số KH-DT	Ban Quản lý các KCN	Chương trình được duyệt	2008
2	Nghiên cứu, đề xuất địa phương đặt quan hệ và các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại thông qua các cơ quan đại diện ở nước ngoài.	Số Ngoại vụ	Các TV Ban HTKTQT	Chương trình được duyệt	2008
III	Thực hiện chính sách an sinh xã hội				
1	Đề án đánh giá tác động của việc gia nhập WTO đến vấn đề lao động, việc làm, xã hội và đề xuất các giải pháp xử lý	Số LD-TBXH	Các sở, ngành, các địa phương	Đề án được duyệt	2007-2008
2	Đề án thi điểm chuyên một số đơn vị sự nghiệp thuộc ngành sang loại hình kinh doanh	Số Khoa học Công nghệ	Số KH-DT, Sở Tài chính	Đề án được duyệt	2008
IV	Phát triển dịch vụ				
1	Triển khai các Chương trình phát triển DV đã duyệt	Số Thương mại-Du lịch	Các sở, ngành liên quan và các DP	QĐthành lập BCD phát triển DV	2007-2008
V	Phát triển nông nghiệp - nông thôn - nông dân				
1	Chương trình phát triển cây con chủ lực của địa phương	Số NN và PTNT	Số KH-DT, Sở Tài chính	Chương trình được duyệt	2008-2009
2	Đề án phát triển công nghệ chế biến nông, lâm sản trong CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn đến 2010, định hướng 2020.	Số NN và PTNT	Số Khoa học Công nghệ	Quyết định phê duyệt	2008-2009

3	Đề án thu hút đầu tư vào địa bàn nông thôn	Số KH-DT	Sở NNPTNT, Ban QL các KCN	Quyết định phê duyệt	2008
VI	Giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực				
1	Tiếp tục triển khai đề án phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển KT-XH giai đoạn 2006-2010 và tầm nhìn đến năm 2020	Sở Nội vụ, Giáo dục đào tạo, Khoa học Công nghệ, LĐ-TBXH, Hội LHPN, Ngoại vụ	Các sở, ngành, địa phương, các doanh nghiệp	Quyết định phê duyệt các chương trình	2007-2008
2	Đề án đào tạo và đào tạo lại đội ngũ giáo viên	Sở Giáo dục đào tạo		Đề án được duyệt	2008
3	Đề án thí điểm chuyển sở hữu một số trường công lập trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục đào tạo	Sở KH-DT, Sở Tài chính, Sở Nội vụ	Đề án được duyệt	2008
VII	Bảo vệ môi trường				
1	Đề án bảo vệ môi trường ở lưu vực sông Đồng Nai	Sở Tài nguyên Môi trường	Sở KH-DT, Ban QL các KCN, các DP	Đề án được duyệt	2008
2	Xây dựng quy hoạch khai thác tài nguyên	Sở Tài nguyên Môi trường	Sở KH-DT, các DP	Quyết định phê duyệt QH	2008-2009